参考様式第１－１７号
Mẫu tham khảo 1-17

１ 号 特 定 技 能 外 国 人 支 援 計 画 書

Bản Kế Hoạch Hỗ Trợ Người Nước Ngoài Có Kỹ Năng Đặc Định Số 1

作成日： 2025 年 11 月 14 日
Ngày soạn: Ngày 14 tháng 11 năm 2025

I 支援対象者 I. Đối tượng được hỗ trợ	１ 氏 名 Họ và tên	チャン・ヴァン・ナム （ほか 名） TRAN VAN NAM (người khác)	２ 性 別 Giới tính	男 ・ 女 Nam/Nữ
	３ 生 年 月 日 Ngày tháng năm sinh	1999 年 03 月 04 日 Ngày 04 tháng 03 năm 1999	４ 国籍・地域 Quốc tịch/Khu vực	ベトナム VIET NAM
II 特定技能所属機関 II. Cơ quan liên kết kỹ năng đặc định	（ふりがな） １ 氏名又は名称 (Furigana) Họ tên hoặc tên gọi	えすてーこうぎょうかぶしきがいしゃ エステー工業株式会社 ESUTE-KOGYO Co.,Ltd.		
	２ 住 所 Địa chỉ	〒 966 － 0817 福島県喜多方市字三丁目 4858 番地 Số 4858, khu 3-chome, Thôn Aza, thành phố Kitakata, tỉnh Fukushima		（電話 0241 -22 - 2157 ） (Điện thoại 0241 -22 - 2157)

<table>
<tr><td rowspan="4"></td><td>３　支援業務を行う事務所の所在地
（２と異なる場合に記入）
Địa điểm văn phòng cung cấp nghiệp vụ hỗ trợ
(Điền vào nếu khác với mục 2)</td><td colspan="5">〒　　－
（電話　　－　　－　　）
(Điện thoại　　-　　-　　)</td></tr>
<tr><td rowspan="3">４　支援業務を行う体制の概要
Khái quát về tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ</td><td>支　援　責　任　者
Người chịu trách nhiệm hỗ trợ</td><td>（ふりがな）
氏　　名
(Furigana)
Họ và tên</td><td></td><td>役　　職
Chức vụ</td><td></td></tr>
<tr><td>支援を行っている
１号特定技能外国人数
Số người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 đang hỗ trợ</td><td colspan="2">名
người</td><td rowspan="2">支援の中立性を確保していることの有無
（支援責任者及び支援担当者が，支援対象者と異なる部署の職員であるなど，当該対象者に対する指揮命令権を有しない者であること、また，異なる部署であっても，当該対象者に指揮命令をし得る立場にないこと）

Tính trung lập của việc hỗ trợ có được đảm bảo hay không
（Người chịu trách nhiệm hỗ trợ và người đảm trách việc hỗ trợ phải là những người không có quyền ra lệnh cho đối tượng liên quan, chẳng hạn như phải là nhân viên thuộc phòng ban khác với đối tượng được hỗ trợ, hoặc ngay cả khi thuộc các phòng ban khác nhau thì cũng không có lập trường ra lệnh cho đối tượng liên quan.）

有　　無
Có　　Không</td></tr>
<tr><td>支　援　担　当　者　数
Số người phụ trách hỗ trợ</td><td colspan="2">名
người</td></tr>
</table>

III 登録支援機関 III. Cơ quan hỗ trợ có đăng ký	1　登 録 番 号 Mã số đăng ký	24 登－009405 24Đăng009405	2　登録年月日 Ngày tháng năm đăng ký	2024 年　1　月　17　日 Ngày 17 tháng 1 năm 2024	3　支援業務を開始する予定年月日 Ngày tháng năm dự kiến bắt đầu công tác hỗ trợ	2024 年 1　月　17　日 Ngày 17 tháng 1 năm 2024
	4　氏名又は名称 (Furigana) Họ và tên hoặc tên gọi	（ふりがな） かぶしきがいしゃ　あるふぁせぷ 株式会社 AlphaCep Công ty cổ phần AlphaCep				
	5　住　　所 Địa chỉ	〒 273 －0111 千葉県鎌ヶ谷市北中沢 1-18-22 スカラビル 3F Tòa nhà Scala 3F, 1-18-22 Kitanakazawa, Thành phố Kamagaya, Tỉnh Chiba　（電話　047－402　－2022　） (Điện thoại　047－402　－2022)				
	法人の場合 Trường hợp là pháp nhân 6　代表者の氏名 (Furigana) Họ tên người đại diện	（ふりがな） じぇん　てぃ　たん　がー NGUYEN THI THANH NGA				
	7　支援を行う事務所の所在地 Địa chỉ văn phòng thực hiện hỗ trợ	〒 273 －0111 千葉県鎌ヶ谷市北中沢 1-18-22 スカラビル 3F Tòa nhà Scala 3F, 1-18-22 Kitanakazawa, Thành phố Kamagaya, Tỉnh Chiba　（電話　047－402　－2022　） (Điện thoại　047－402　－2022)				
	8　支援業務を行う体制の概要 Khái quát về tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ	支　援　責　任　者 Người chịu trách nhiệm hỗ trợ	（ふりがな） 氏　　名 (Furigana) Họ và tên	じぇん　てぃ　たん　がー NGUYEN THI THANH NGA	役　　職 Chức vụ	代表取締役 Giám đốc đại diện

		支援を行っている 1号特定技能外国人数 Số người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 đang hỗ trợ	14名 người	支援の適正性を確保していることの有無 ・支援責任者が特定技能所属機関の役員の配偶者、２親等以内の親族、特定技能所属機関の役員と社会生活において密接な関係にある者、過去５年以内に特定技能所属機関の役員又は職員であった者ではないこと ・支援責任者及び支援担当者が登録支援機関の登録拒否事由に該当しないこと Tính phù hợp của việc hỗ trợ có được đảm bảo hay không - Người chịu trách nhiệm hỗ trợ và người đảm trách việc hỗ trợ không được là vợ hặc chồng hay họ hàng trong vòng 2 đời của viên chức cơ quan trực thuộc kỹ năng đặc định, hoặc người có mối quan hệ thân thiết với viên chức của cơ quan trực thuộc kỹ năng đặc định, hay từng là viên chức hoặc nhân viên của cơ quan trực thuộc kỹ năng đặc định trong vòng 5 năm trở lại. - Người chịu trách nhiệm hỗ trợ và người đảm trách việc hỗ trợ không liên quan đến lý do từ chối đăng ký của tổ chức hỗ trợ đăng ký. (有) 無 Có Không
		支援担当者数 Số người phụ trách hỗ trợ	2名 người	

IV 支援内容 IV Nội dung hỗ trợ	1 事前ガイダンスの提供 1.Cung cấp hướng dẫn trước	ア 情報提供内容等 A.Nội dung về cung cấp thông tin	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有 無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác 氏名（役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所（委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	実施方法（該当するもの全てにチェック） Phương pháp thực hiện (Đánh dấu vào toàn bộ những nội dung tương ứng)
			a．従事する業務の内容，報酬の額その他の労働条件に関する事項 Nội dung công tác thực hiện, số tiền lương và các mục liên quan đến điều kiện lao động khác	☑有 (　　) Có (　　) □無 (　　)	有 (無) Có/Không 〈支援内容ごとに異なる場	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc) 〈支援内容ごと	〒　　－	□ 対面 Trực tiếp ☑ テレビ電話装置 Thiết bị điện thoại tivi □ その他（　　） Khác (　　)

			b．本邦において行うことができる活動の内容 Nội dung hoạt động có thể thực hiện được tại Nhật Bản	Không (　　)	合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>	に異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>	〈支援内容ごとに異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>	〈支援内容ごとに異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>
			c．入国に当たっての手続に関する事項 Hạng mục liên quan đến thủ tục khi nhập cảnh					
			d．保証金の徴収，契約の不履行についての違約金契約等の締結の禁止 Cấm trưng thu tiền bảo lãnh, ký các hợp đồng tiền phạt hợp đồng khi không thực hiện hợp đồng					
			e．入国の準備に関し外国の機関に支払った費用について，当該費用の額及び内訳を十分に理解して支払わなければならないこと Về chi phí đã thanh toán cho cơ quan nước ngoài liên quan đến việc chuẩn bị nhập cảnh, phải thanh toán khi đã hiểu đầy đủ về số tiền đó và chi tiết của nó.					
			f．支援に要する費用を負担させないこととしていること Không bị bắt phải chịu trách nhiệm về chi phí cần thiết cho việc hỗ trợ					
			g．入国する際の送迎に関する支援の内容 Nội dung hỗ trợ liên quan đến đưa đón khi nhập cảnh					
			h．住居の確保に関する支援の内容 Nội dung hỗ trợ liên quan đến bảo đảm nơi ở					

		i．相談・苦情の対応に関する内容 Nội dung liên quan đến giải quyết thảo luận, khiếu nại					
		j． 特定技能所属機関等の支援担当者氏名及び連絡先 Họ tên và địa chỉ liên lạc của người phụ trách hỗ trợ của cơ quan liên kết kỹ năng đặc định					
		（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không			
	イ　実施言語 B. Ngôn ngữ thực hiện		ベトナム語 Tiếng　Việt Nam	（支援担当者以外の者が通訳を担う場合）通訳者の所属・氏名 (Trường hợp người phiên dịch không phải là nhân viên đảm trách việc hỗ trợ) Họ tên/Nơi trực thuộc của phiên dịch viên			
	ウ　実施予定時間 C. Thời gian dự kiến thực hiện		合計　5　時間 Tổng cộng　5　tiếng				

		支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有　無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác		実施方法 （該当するもの全てにチェック） Phương pháp thực hiện (Đánh dấu vào toàn bộ những nội dung tương ứng)
					氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	
IV 支援内容（続き） IV. Nội dung hỗ trợ (tiếp theo)	2 出入国する際の送迎 2. Đưa đón khi xuất nhập cảnh	a．到着空港等での出迎え及び特定技能所属機関又は住居までの送迎 Đón tại sân bay đến và đưa về cơ quan liên kết kỹ năng đặc định hoặc đưa về nơi ở	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　－	☑　出迎え空港等　Sân bay đón （　　空港） (Sân bay　　) ☑　送迎方法（　　） Phương pháp đưa đón (　　)
		b．出国予定空港等までの送迎及び保安検査場入場までの出国手続の補助 Đưa đến sân bay xuất cảnh dự kiến và hỗ trợ các thủ tục xuất cảnh cho đến khi vào nơi kiểm tra an ninh	☑有（契約終了後適宜実施） Có (Thực hiện lúc thích hợp sau khi kết thúc hợp đồng) □無（　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　－	☑　出国予定空港等　Sân bay xuất cảnh dự kiến （羽田・成田　空港／未定） (Sân bay　Haneda, Narita /chưa xác định) ☑送迎方法（車・公共交通機関） Phương pháp đưa đón (Xe hơi/Phương tiện giao thông công cộng)

		（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－	
3. Hỗ trợ liên quan đến bảo đảm nơi ở thích hợp/hỗ trợ liên quan đến hợp đồng cần thiết cho sinh hoạt 3　適切な住居の確保に係る支援・生活に必要な契約に係る支援	A. Hỗ trợ liên quan đến bảo đảm nơi ở thích hợp ア　適切な住居の確保に係る支援	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有　無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác 氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	実施方法 Phương pháp thực hiện
		a．不動産仲介事業者や賃貸物件の情報を提供し，必要に応じて住宅確保に係る手続に同行し，住居探しの補助を行う。また，賃貸借契約の締結時に連帯保証人が必要な場合に，適当な連帯保証人がいないときは，支援対象者の連帯保証人となる又は利用可能な家賃債務保証業者を確保し自らが緊急連絡先となる Cung cấp thông tin về đơn vị môi giới bất động sản và các bất động sản, nếu cần thiết thì cùng đi với họ làm thủ tục giữ nhà, hỗ trợ tìm kiếm nhà. Ngoài ra, nếu cần người bảo lãnh liên đới khi ký hợp đồng cho thuê mà không có người bảo lãnh liên đới thích hợp thì làm người bảo lãnh liên đới cho đối tượng được hỗ trợ hoặc bảo đảm đơn vị bảo lãnh tiền nợ thuê nhà có thể sử dụng được, rồi bản thân mình thì làm địa chỉ liên lạc khi khẩn cấp	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	

			b．自ら賃借人となって賃貸借契約を締結した上で，１号特定技能外国人の合意の下，住居として提供する Bản thân tự làm người thuê, sau khi ký hợp đồng cho thuê rồi cung cấp cho người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 làm nơi ở sau khi đã có được sự đồng ý của người đó	□有 （　　） Có (　　) ☑無（a の通り実施予定） Không (Dự định thực hiện theo a)	有・無 Có/Không		〒　　－	
			c．所有する社宅等を，１号特定技能外国人の合意の下，当該外国人に対して住居として提供する Sau khi người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 đồng ý thì cung cấp nơi ở trong công ty đang có để làm nơi ở cho người nước ngoài đó.	□有 （　　） Có (　　) ☑無（a の通り実施予定 Không (Dự định thực hiện theo a)	有・無 Có/Không		〒　　－	
			（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－	
	3 適切な住居の確保に係る支援・生活に必要な契約に関する支援（続き） 3 Hỗ trợ liên quan đến đảm bảo nơi ở thích hợp, hỗ trợ liên quan đến hợp đồng cần thiết cho cuộc sống		d　情報提供する又は住居として提供する住居の概要（確保予定の場合を含む） Khái quát về nơi ở sẽ cung cấp thông tin hoặc làm nơi ở (gồm cả trường hợp dự định sẽ giữ)	☑在留資格変更許可申請（又は在留資格認定証明書交付申請）の時点で確保しているもの Bất động sản giữ ở thời điểm làm đơn xin phép thay đổi tư cách lưu trú (hoặc Đơn xin cấp Giấy chứng minh công nhận tư cách lưu trú) □在留資格変更許可申請（又は在留資格認定証明書交付申請）の後に確保するもの Bất động sản giữ sau khi làm đơn xin phép thay đổi tư cách lưu trú (hoặc Đơn xin cấp Giấy chứng minh công nhận tư cách lưu trú)				
				居室の広さ Diện tích phòng ở　（同居人数計　3　人） (Số người tổng cộng cùng ở　　người) ☑１人当たり 7.5 ㎡以上を確保 Đảm bảo từ 7.5 m^2 trở lên cho một người （寝室の広さ Diện tích phòng ngủ ☑１人当たり 4.5 ㎡以上を確保 Đảm bảo từ 4.5 m^2 trở lên cho một người）				
		イ　契約生活に係る必要な支援	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有　無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác 氏名（役職） Họ và tên	住所（委託を受けた場合のみ） Địa chỉ	実施方法 Phương pháp thực hiện

						(Chức vụ)	(Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	
			a．銀行その他の金融機関における預金口座又は貯金口座の開設の手続の補助 Hỗ trợ thủ tục mở tài khoản tiền gửi hay tài khoản tiết kiệm tại các ngân hàng và các cơ quan tài chính khác	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	☑　手続に係る情報提供 Cung cấp thông tin liên quan đến thủ tục ☑　必要に応じて手続に同行 Đi cùng làm thủ tục nếu cần thiết □　その他（　　） Khác (　　)
			b．携帯電話の利用に関する契約の手続の補助 Hỗ trợ thủ tục hợp đồng liên quan đến việc sử dụng điện thoại di động	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	☑　手続に係る情報提供 Cung cấp thông tin liên quan đến thủ tục ☑　必要に応じて手続に同行 Đi cùng làm thủ tục nếu cần thiết □　その他（　　） Khác (　　)
			c．電気・水道・ガス等のライフラインに関する手続の補助 Hỗ trợ thủ tục liên quan đến các tiện nghi sinh hoạt như điện, nước, ga,…	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	☑　手続に係る情報提供 Cung cấp thông tin liên quan đến thủ tục ☑　必要に応じて手続に同行 Đi cùng làm thủ tục nếu cần thiết □　その他（　　） Khác (　　)
			（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－	
	4 生活オリエンテーションの実施 4. Thực hiện buổi giới thiệu hướng dẫn về sinh hoạt	ア　情報提供内容等 A. Nội dung cung cấp thông tin	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の 有　無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác 氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	実施方法 （該当するもの全てにチェック） Phương pháp thực hiện (Đánh dấu vào toàn bộ những nội dung tương ứng)
			a．本邦での生活一般に関する事項 Hạng mục liên quan đến sinh hoạt nói chung tại Nhật Bản	☑有 （　　） Có (　　) □無	有・無 Có/Không 〈支援内容ごとに	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	□　対面　Trực tiếp ☑　テレビ電話や DVD 等の動画視聴等（質問に応じる体制あり） Xem video chẳng hạn như điện thoại

			b．法令の規定により外国人が履行しなければならない国又は地方公共団体の機関に対する届出その他の手続に関する事項及び必要に応じて同行し手続を補助すること Các hạng mục liên quan đến việc báo cáo cho cơ quan tổ chức công của quốc gia hoặc địa phương và thủ tục khác mà người nước ngoài phải thực hiện theo luật định, nếu cần thiết phải đi cùng để hỗ trợ làm thủ tục	（　　） Không (　　)	異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>	〈支援内容ごとに異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>	〈支援内容ごとに異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>	TV và DVD (có hệ thống đối ứng câu hỏi) 〈支援内容ごとに異なる場合にはそれがわかるように以下記載〉 <Trường hợp khác với nội dung hỗ trợ thì điền cụ thể vào bên dưới>
			c．相談・苦情の連絡先，申出をすべき国又は地方公共団体の機関の連絡先 Địa chỉ liên lạc để thảo luận, khiếu nại, địa chỉ liên lạc của cơ quan tổ chức công của quốc gia hoặc địa phương cần báo cáo					

IV 支援内容（続き） IV. Nội dung hỗ trợ (tiếp theo)	4 生活オリエンテーションの実施（続き） 4. Thực hiện buổi giới thiệu hướng dẫn về môi trường sinh hoạt mới	ア 情報提供内容等（続き） A. Nội dung cung cấp thông tin (tiếp theo)	d．十分に理解することができる言語により医療を受けることができる医療機関に関する事項 Các hạng mục liên quan đến cơ quan y tế nơi bạn có thể tiếp nhận điều trị bằng ngôn ngữ mà bạn có thể hiểu được đầy đủ				
			e．防災・防犯に関する事項，急病その他の緊急時における対応に必要な事項 Các hạng mục liên quan chữa cháy, phòng chống tội phạm, các hạng mục cần thiết để đối phó với các tình huống khẩn cấp như bệnh bất ngờ				
			f．出入国又は労働に関する法令規定の違反を知ったときの対応方法その他当該外国人の法的保護に必要な事項 Phương pháp giải quyết khi biết đã vi phạm quy định pháp luật liên quan đến xuất nhập cảnh hoặc lao động, các hạng mục khác cần thiết để bảo vệ về mặt luật pháp cho người nước ngoài				
			（自由記入） (Điền tự do)	□有 Có ☑無 Không	有・無 Có/Không		〒　　－
		イ 実施言語 B. Ngôn ngữ thực hiện	ベトナム語 Tiếng Việt Nam	（支援担当者以外の者が通訳を担う場合）通訳者の所属・氏名 (Trường hợp người phiên dịch không phải là nhân viên đảm trách việc hỗ trợ) Họ tên/Nơi trực thuộc của phiên dịch viên			
		ウ 実施予定時間 C. Thời gian dự kiến thực hiện	合計 8 時間 Tổng cộng 8 tiếng				
	5 日本語学習の機会の提供 5. Cung cấp cơ hội học	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác 氏名（役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所（委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy	実施方法 Phương pháp thực hiện

						thác)	
		a．日本語教室や日本語教育機関に関する入学案内の情報を提供し，必要に応じて同行して入学の手続の補助を行う Cung cấp thông tin về hướng dẫn nhập học liên quan đến lớp học tiếng Nhật và cơ quan đào tạo tiếng Nhật, nếu cần thiết thì đi cùng và hỗ trợ thủ tục nhập học	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	
		b．自主学習のための日本語学習教材やオンラインの日本語講座に関する情報の提供し，必要に応じて日本語学習教材の入手やオンラインの日本語講座の利用契約手続の補助を行う Cung cấp thông tin liên quan đến tài liệu học tiếng Nhật và lớp học tiếng Nhật trực tuyến để tự học, nếu cần thiết thì hỗ trợ để có được tài liệu học tiếp Nhật hay thủ tục làm hợp đồng sử dụng lớp tiếng Nhật trực tuyến	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	
		c．１号特定技能外国人との合意の下，日本語教師と契約して１号特定技能外国人に日本語の講習の機会を提供する Sau khi được người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 đồng ý, làm hợp đồng với vai trò giáo viên tiếng Nhật rồi cung cấp cơ hội học tiếng Nhật cho người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	
		（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－	

IV 支援内容（続き） IV. Nội dung hỗ trợ (tiếp theo)	6 相談又は苦情への対応 6 Giải quyết thảo luận hoặc khiếu nại	A アイ 対応内容等 A. Nội dung giải quyết	支援内容 Nội dung hỗ trợ		実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有 無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác					
							氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)				
			a．相談又は苦情に対し，遅滞なく十分に理解できる言語により適切に対応し，必要な助言及び指導を行う Đối với yêu cầu thảo luận hoặc khiếu nại, giải quyết nhanh chóng một cách thích hợp bằng ngôn ngữ mà người đó có thể hiểu được đầy đủ, cho lời khuyên hoặc chỉ đạo cần thiết b．必要に応じ，相談内容に対応する関係行政機関を案内し，同行する等必要な手続の補助を行う Nếu cần thiết thì giới thiệu cơ quan chính phủ liên quan ứng với nội dung thảo luận, hỗ trợ thủ tục cần thiết đi kèm		☑有（適宜実施 ） Có (thực hiện lúc thích hợp) □無（ ） Không ( )	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)					
			（自由記入） (Điền tự do)		□有 Có ☑無 Không	有・無 Có/Không						
		B. Phương pháp giải quyết イ 実施方法	Thời gian giải quyết 対応時間	平日 Ngày trong tuần	月 Thứ Hai	火 Thứ Ba	水 Thứ Tư	木 Thứ Năm	金 Thứ Sáu			
					9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ	9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ	9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ	9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ	9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ			
				土曜 Thứ Bảy	9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ							
				日曜 Chủ Nhật	9 時 ～20 時 9 giờ - 20 giờ							

	祝日 Ngày lễ	時　～　時 giờ -　giờ	
相談方法 Phương pháp thảo luận	以下の方法により実施（該当するものを全てチェックすること。） Thực hiện bằng phương pháp sau (Đánh dấu vào toàn bộ nội dung tương ứng.) ☑ 直接面談　Nói chuyện trực tiếp ☑ 電　話（　047　－402　－　2022　） Điện thoại (　047　－402　－　2022　) ☑ メ ー ル（info@alphacep.co.jp） Email (　info@alphacep.co.jp　) ☑ そ の 他（　LINE で実施　） Khác (　Thực hiện qua LINE　)		
緊急時対応 Giải quyết lúc khẩn cấp	緊急時は，以下の方法により実施（該当するものを全てチェックすること。） Khi khẩn cấp, thực hiện bằng phương pháp sau (Đánh dấu vào toàn bộ nội dung tương ứng.) □ 直接面談　Nói chuyện trực tiếp ☑ 電　話（047-402-2022） Điện thoại (047-402-2022) ☑ メ ー ル（info@alphacep.co.jp） Email (info@alphacep.co.jp) ☑ そ の 他（LINE で実施） Khác (Thực hiện qua LINE)		
ウ　実施言語 B.　Ngôn ngữ thực hiện	ベトナム語　（支援担当者以外の者が通訳を担う場合）通訳者の所属・氏名 Tiếng　Việt Nam　(Trường hợp không do người đảm trách hỗ trợ phiên dịch) Họ tên/Nơi trực thuộc của phiên dịch viên		

IV　支援内容（続き）
IV. Nội dung hỗ trợ (tiếp theo)

7　日本人との交流促進に係る支援
7. Hỗ trợ liên quan đến xúc tiến giao lưu với người Nhật

支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有　無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác		実施方法 Phương pháp thực hiện
			氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	
a．必要に応じ，地方公共団体やボランティア団体等が主催する地域住民との交流の場に関する情報の提供や地域の自治会等の案内を行い，各行事等への参加の手続の補助を行うほか，必要に応じて同行して各行事の注意事項や実施方法を説明するなどの補助を行う Nếu cần thiết, cung cấp thông tin liên quan đến nơi giao lưu với người dân trong	☑有 （　） Có (　) □無 （　） Không (　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　－	

khu vực do tổ chức công địa phương và các tổ chức tình nguyện tổ chức, hướng dẫn về tổ dân phố của khu vực,…hỗ trợ thủ tục tham gia vào các sự kiện, ngoài ra nếu cần thiết thì hỗ trợ như đi cùng và giải thích về các mục chú ý và cách thực hiện của các sự kiện b．日本の文化を理解するために必要な情報として，就労又は生活する地域の行事に関する案内を行うほか，必要に応じて同行し現地で説明するなどの補助を行う Ngoài việc hướng dẫn liên quan đến sự kiện của khu vực đang lao động hoặc sinh sống như là thông tin cần thiết để hiểu về văn hóa Nhật Bản, nếu cần thiết thì hỗ trợ như đi cùng và giải thích tại chỗ					
（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－	

	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有　無 Có ủy thác không	支援担当者又は委託を受けた実施担当者 Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác		実施方法 （該当するもの全てにチェック） Phương pháp thực hiện (Đánh dấu vào toàn bộ những nội dung tương ứng)
				氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	
8. 非自発的離職時の転職支援 8. Hỗ trợ chuyển việc khi bỏ việc không do tự phát	a．所属する業界団体や関連企業等を通じて次の受入れ先に関する情報を入手し提供する Lấy các thông tin liên quan đến nơi tiếp nhận tiếp theo thông qua đoàn thể trong ngành đang thuộc về và công ty liên quan, rồi cung cấp	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	
	b．公共職業安定所，その他の職業安定機関等を案内し，必要に応じて支援対象者に同行して次の受入れ先を探す補助を行う Hướng dẫn văn phòng ổn định việc làm công, các cơ quan ổn định việc làm khác, nếu cần thiết thì đi cùng với đối tượng được hỗ trợ để hỗ trợ tìm kiếm nơi tiếp nhận tiếp theo	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	
	c．１号特定技能外国人の希望条件，技能水準，日本語能力等を踏まえ，適切に職業相談・職業紹介が受けられるよう又は円滑に就職活動が行えるよう推薦状を作成する Dựa trên điều kiện mong muốn, tiêu chuẩn kỹ năng, năng lực tiếng Nhật,… của người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1, soạn Bản tiến cử để có thể tiếp nhận thảo luận việc làm, giới thiệc việc làm thích hợp hoặc để hoạt động xin việc được diễn ra thuận lợi	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	
	d．職業紹介事業の許可又は届出を受けて職業紹介を行うことができる場合は，就職先の紹介あっせんを行う Trường hợp nhận được sự cho phép hoặc báo cáo của đơn vị giới thiệu việc làm, và có thể giới thiệu việc làm thì làm trung	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	

		gian giới thiệu nơi làm việc						
		e．１号特定技能外国人が求職活動をするために必要な有給休暇を付与する Cung cấp ngày nghỉ có lương cần thiết để người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 tiến hành hoạt động xin việc	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)					
IV 支援内容（続き） IV. Nội dung hỗ trợ (tiếp theo)		f．離職時に必要な行政手続について情報を提供する Cung cấp thông tin về thủ tục hành chính cần thiết khi nghỉ việc	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－		
		g．倒産等により，転職のための支援が適切に実施できなくなることが見込まれるときは，それに備え，当該機関に代わって支援を行う者を確保する Khi tiên lượng trước việc hỗ trợ chuyển việc không thể thực hiện một cách thích hợp do phá sản,…thì bảo đảm người hỗ trợ thay cho cơ quan đó	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－		
		（自由記入） (Điền tự do)	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－		
	9 定期的な面談の実施・行政機関への通報 9. Thực hiện phỏng vấn định kỳ	ア 面談内容等 A. Nội dung phỏng vấn	支援内容 Nội dung hỗ trợ	実施予定 Dự kiến thực hiện	委託の有　無 Có ủy thác không	支援責任者又は支援担当者 Người chịu trách nhiệm hỗ trợ hoặc người phụ trách hỗ trợ ※ｂ欄及び自由記入欄については，委託を受けた実施担当者も可 ※Về cột b và các cột điền tự do, người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác cũng có thể điền. 氏名 （役職） Họ và tên (Chức vụ)	住所 （委託を受けた場合のみ） Địa chỉ (Chỉ trong trường hợp đã nhận ủy thác)	実施方法 （該当するもの全てにチェック） Phương pháp thực hiện (Đánh dấu vào toàn bộ những nội dung tương ứng)

			a． １号特定技能外国人の労働状況や生活状況を確認するため，当該外国人及びその監督をする立場にある者それぞれと定期的な面談（3 か月に 1 回以上）を実施する Để kiểm tra tình trạng lao động và tình trạng sinh hoạt của người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1, định kỳ phỏng vấn người nước ngoài đó và người đang ở vị trí quan sát (ít nhất 3 tháng một lần)	☑有 （　　） Có (　　) □無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không	NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)	〒　　－	☑　対面 Trực tiếp □　無線や船舶電話（漁船漁業のみ） Điện thoại trên tàu hoặc vô tuyến (chỉ riêng ngành đánh bắt cá bằng tàu)
			b．再確認のため，生活オリエンテーションにおいて提供した情報について，改めて提供する Để kiểm tra lại, một lần nữa cung cấp thông tin đã cung cấp trong buổi hướng dẫn về môi trường sinh hoạt mới			NGUYEN THI THANH NGA (代表取締役) (Giám đốc)		
			c． 労働基準法その他の労働に関する法令の規定に違反していることを知ったときは，労働基準監督署その他の関係行政機関へ通報する Khi đã biết về việc đang vi phạm luật tiêu chuẩn lao động và các quy định luật pháp liên quan đến lao động khác, thông báo cho người quan sát tiêu chuẩn lao động và cơ quan hành chính có liên quan khác	□有（認知次第実施） Có (Thực hiện khi đã nhận thức rõ) □無（　　） Không (　　)	有・無 Có/Không			
			d． 資格外活動等の入管法違反又は旅券及び在留カードの取上げ等その他の問題の発生を知ったときは，その旨を地方出入国在留管理局に通報する Khi đã biết về việc vi phạm luật quản lý xuất nhập cảnh như có hoạt động ngoài tư cách lưu trú, và bị tịch thu thẻ lưu trú, và các vấn đề khác xảy ra thì thông báo cho cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương về điều đó					

			（自由記入） (Điền tự do)	□有 （　　） Có (　　) ☑無 （　　） Không (　　)	有・無 Có/Không		〒　　－	
		イ　実施言語 B. Ngôn ngữ thực hiện		ベトナム語　（支援担当者以外の者が通訳を担う場合）通訳者の所属・氏名 Tiếng　Việt Nam　(Trường hợp người phiên dịch không phải là nhân viên đảm trách việc hỗ trợ) Họ tên/Nơi trực thuộc của phiên dịch viên				

（注意）

1　I欄は，支援対象者が複数名いる場合であって支援内容が同一の場合に限り，「１　氏名に「別紙の名簿のとおり」と記載し，I欄の事項が記載された名簿（任意様式）を添付することとして差し支えない。ただし，申請を同時に行う場合に限る。

2　II欄４は，特定技能所属機関自らが１号特定技能外国人支援計画を実施する場合のみ記載すること。

3　III欄は，１号特定技能外国人支援計画の全部の実施を登録支援機関に委託する場合のみ記載すること。

4　IV欄１から９までの「実施予定」欄は，該当するものにチェックをし，実施予定が「有」の場合は実施時期を簡潔に記載し，「無」の場合は当該支援を実施しない理由について括弧内に記載すること。

5　IV欄１から９までの「委託の有無」欄は，特定技能所属機関が支援の一部を第三者に委託（登録支援機関に委託する場合を除く。）する場合にのみ「有」と記載し，特定技能所属機関が自ら支援を行う場合や登録支援機関に支援の全部を委託する場合には「無」と記載すること。

6　IV欄１から８までの「支援担当者又は委託を受けた支援実施者」欄は，特定技能所属機関が自ら支援を行う場合や登録支援機関に支援の全部を委託する場合に選任することとされている支援担当者を支援項目ごとに氏名及び括弧内に役職を記載し，特定技能所属機関から委託の一部を受けた第三者が支援を実施する場合は支援の委託を受けた者の氏名及び所在地を記載すること。

なお，IV欄９の「支援責任者又は支援担当者」欄は，特定技能所属機関が自ら支援を行う場合や登録支援機関に支援の全部を委託する場合に選任することとされている支援責任者又は支援担当者の氏名及び括弧内に役職を記載し,このうちｂ欄及び自由記入欄については同欄の支援を,特定技能所属機関から委託の一部を受けた第三者が支援を実施する場合は支援の委託を受けた者の氏名及び所在地を記載すること。

7　IV欄１から４まで及び９の「実施方法」欄は，該当するものにチェックをすること。「その他」にチェックする場合は，その実施方法について括弧内に記載すること。

8　IV欄３アｄ「居室の広さ」について，該当するものを括弧内のチェックボックスから選択すること。

9　IV欄６イの「対応時間」欄は，対応可能曜日についてその時間帯を記載すること。

(Chú ý)

1 Mục I là trường hợp có nhiều đối tượng được hỗ trợ, chỉ trong trường hợp nội dung hỗ trợ như nhau thì ghi vào “1 Họ và tên là “như danh sách tên trong tài liệu đi kèm”, rồi đính kèm danh sách tên đã có điền các mục của cột I (mẫu bất kỳ). Tuy nhiên chỉ xét cho trường hợp thực hiện cùng lúc với khi nộp đơn yêu cầu.

2 Phần 4 mục II chỉ điền trong trường hợp cơ quan liên kết chức năng đặc định tự mình thực hiện kế hoạch hỗ trợ người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1.

3 Mục III chỉ điền trong trường hợp ủy thác toàn bộ việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1 cho cơ quan hỗ trợ có đăng ký.

4 Cột “Dự kiến thực hiện” từ 1 đến 9 trong mục IV, đánh dấu vào những chỗ tương ứng, nếu “Có” dự kiến thực hiện thì ghi đơn giản thời gian thực thiện, nếu “không” thì ghi lý do không thực hiện hỗ trợ tương ứng trong ngoặc đơn.

5 Cột “Có ủy thác không” từ 1 đến 9 trong mục IV điền “Có” chỉ trong trường hợp cơ quan liên kết chức năng đặc định ủy thác một phần hỗ trợ cho bên thứ ba (ngoại trừ trường hợp ủy thác cho cơ quan hỗ trợ có đăng ký), điền “không” trong trường hợp cơ quan liên kết chức năng đặc định tự mình tiến hành hỗ trợ hoặc ủy thác toàn bộ hỗ trợ cho cơ quan hỗ trợ có đăng ký.

6 Cột “Người phụ trách hỗ trợ hoặc người phụ trách thực hiện đã nhận ủy thác” từ 1 đến 8 trọng mục IV thì điền họ tên và chức vụ trong ngoặc của người phụ trách hỗ trợ được tuyển chọn ở từng hạng mục hỗ trợ trong trường hợp cơ quan liên kết chức năng đặc định tự mình tiến hành hỗ trợ hoặc trong trường hợp ủy thác toàn bộ hỗ trợ cho cơ quan hỗ trợ có đăng ký, trường hợp bên thứ ba nhận một phần ủy thác từ cơ quan liên kết chức năng đặc định thì phải điền họ tên và địa chỉ trụ sở của bên được ủy thác hỗ trợ.

Ngoài ra, cột “Người chịu trách nhiệm hỗ trợ hoặc người phụ trách hỗ trợ” của phần 9 mục IV thì điền rõ họ tên và chức vụ trong ngoặc của người chịu trách nhiệm hỗ trợ hoặc người phụ trách hỗ trợ được tuyển chọn trong trường hợp cơ quan liên kết chức năng đặc định tự tiến hành hỗ trợ hay trường hợp ủy thác toàn bộ hỗ trợ cho cơ quan hỗ trợ có đăng ký. Trong đó, đối với trường hợp công việc mô tả trong cùng một cột bên được thứ ba nhận một phần ủy thác tiến hành hỗ trợ từ cơ quan liên kết chức năng đặc định, thì phải điền họ tên và địa chỉ trụ sở của bên được ủy thác hỗ trợ tại cột b và cột điền tự do.

7 Cột “Phương pháp thực hiện” từ 1 đến 4, 9 trong mục IV, đánh dấu vào những nội dung tương ứng. Trường hợp đánh vào “Khác” thì phải ghi phương pháp thực hiện đó vào trong ngoặc đơn.

8 Về “Diện tích phòng ở” 3Ad mục IV,” phải chọn nội dung tương ứng từ các hộp đánh dấu trong ngoặc đơn.

9 Cột “Thời gian giải quyết” 6C trong mục IV, điền thứ trong tuần có thể giải quyết được và khoảng thời gian đó.

上記のとおり支援を実施します。
また，本書面は支援対象者が十分に理解できる言語に翻訳し，支援対象者に交付するとともに，内容について十分に説明しました。
Chúng tôi sẽ hỗ trợ đúng theo nội dung trên.
Ngoài ra, văn bản này chúng tôi đã dịch sang ngôn ngữ mà đối tượng được hỗ trợ có thể hiểu được đầy đủ, cùng với việc giao cho đối tượng được hỗ trợ, chúng tôi đã giải thích đầy đủ về nội dung.

特定技能所属機関の氏名又は名称　エステー工業株式会社
Họ tên hoặc tên gọi cơ quan liên kết kỹ năng đặc định　ESUTE-KOGYO Co.,Ltd.
作成責任者の氏名　代表取締役 鶴巻　高幸
Họ tên người phụ trách soạn thảo　Giám đốc đại diện Tsurumaki Takayuki

本書面について，　ベトナム　語による翻訳文の交付を受け，その内容について説明を受け十分に理解しました。
Về văn bản này, tôi đã được nhận bản dịch bằng tiếng　Việt Nam　, tôi đã được giải thích về nội dung và đã hiểu đầy đủ.

署名日　　年　月　日
Ngày ký tên　　Ngày　tháng　năm

1号特定技能外国人の署名
Chữ ký của người nước ngoài có kỹ năng đặc định số 1

_____